

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày 21-11-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Dũ.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 21-11-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1980.

2. *Bị đơn:* Đỗ Thanh L, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 9 năm 2018 và biên bản ghi lời khai 11 tháng 10 năm 2018 chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày: Chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Đỗ Thanh L sống chung từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Đỗ Thanh Q, sinh ngày 03- 6- 2000 và Đỗ Nhật H1, sinh ngày 09- 4- 2005. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng dần cuộc sống có nhiều mâu thuẫn nên chị H và anh L đã ly thân từ năm 2015 đến nay không hàn gắn được.

Nay chị Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Thanh L.

- Về con chung: Có 02 con chung, con tên Đỗ Thanh Q, sinh ngày 03- 6- 2000 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, con tên Đỗ Nhật H1, sinh ngày 09- 4- 2005, chị H yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Khi khởi kiện chị H yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con tên H1 với mức là 1.000.000 đồng/tháng nhưng tại phiên hòa giải chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung tên H1.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo biên bản ghi lời khai đề ngày 11-10-2018 của anh Đỗ Thanh L trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thúy H là anh Đỗ Thanh L và chị Nguyễn Thị Thúy H chung sống từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống 02 con chung tên Đỗ Thanh Q, sinh ngày 03- 6- 2000 và Đỗ Nhật H1, sinh ngày 09- 4- 2005. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng dần cuộc sống có nhiều mâu thuẫn nên anh L và chị H đã ly thân từ năm 2015 đến nay không hàn gắn được.

Nay, chị H yêu cầu ly hôn với anh L, anh L có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh Đỗ Thanh L đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H.

- Về con chung: Anh L và chị H có 02 con chung tên Đỗ Thanh Q, sinh ngày 03- 6- 2000 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên Đỗ Nhật H1, sinh ngày 09- 4- 2005, anh L đồng ý giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định. Riêng chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Đỗ Thanh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H và anh L là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh L.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh L giao con chung tên Đỗ Nhật H1, sinh ngày 09- 4- 2005 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bên cạnh đó, chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Đỗ Thanh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng chị H và anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1999 nhưng cho đến nay không đăng ký kết hôn được sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 04-9-2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

...”

Cũng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“ ...

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con chung và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh L có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vì vậy, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Đỗ Thanh L.

[2.2] Về con chung: Tại phiên hòa giải, chị H và anh L thống nhất là có 02 con chung tên Đỗ Thanh Q, sinh ngày 03- 6- 2000 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Đối với con chung tên Đỗ Nhật H1, sinh ngày 09- 4- 2005 (cháu Hào đang sống với chị H và có nguyện vọng sống chung với chị H), chị H và anh L thống nhất giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị H và anh L.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu, anh L cũng không tự nguyện, nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; anh L không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các điều 9, 14, 15, 16, 51, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Đỗ Thanh L.

[2] Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Đỗ Thanh L như sau: Chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Đỗ Nhật H1, sinh ngày 09- 4- 2005 (cháu H1 đang sống với chị H và có nguyện vọng sống chung với chị H). Đối với con chung tên Đỗ Thanh Q, sinh ngày 03-6-2000 đã thành niên, chị H và anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai cản trở.

[3] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu, anh L cũng không tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0002016 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Như vậy, chị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Đỗ Thanh L không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Hương

